

# QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN DÂN TỘC TRONG TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐỨC THĂNG\*

*Sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, ngày 2-9-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân Việt Nam long trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập và tuyên bố với toàn thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ là áng văn lập quốc vĩ đại mà còn là một văn kiện lịch sử có giá trị to lớn về nhiều lĩnh vực: chính trị, pháp lý, ngoại giao, tư tưởng, văn hóa, trong đó nổi bật vấn đề quyền con người, quyền dân tộc thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.*

**B**ẢN Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo, được mở đầu bằng sự trích dẫn nội dung tinh túy nhất về quyền con người ghi trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Người còn viện dẫn một triết lý mang tính nhân văn cao cả được ghi trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Cách mạng Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Theo Người, những lời bất hủ ấy “là những lẽ phải không ai chối cãi được”, và suy rộng ra, “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào

cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>(1)</sup>. Việc trân trọng viện dẫn những tinh hoa của hai bản tuyên ngôn nói trên để mở đầu cho Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam mới thể hiện cử chỉ ngoại giao rất tinh tế, sắc bén của chủ nhân một quốc gia vừa giành được độc lập. Đó còn là khát vọng thiêng liêng của toàn thể dân tộc Việt Nam, khẳng định và nâng các quyền cơ bản của con người lên thành quyền cơ bản của các dân tộc trên thế giới. Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã xác lập cơ sở pháp lý cả trên nguyên tắc và trên thực tiễn về quyền được sống trong độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam.

\* Đại tá, ThS, Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 4, tr. 1

Luận điểm về quyền con người, quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945* là kết quả kiểm nghiệm và nghiên cứu lý luận, lịch sử trong hơn 30 năm đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua thực tiễn hoạt động cách mạng, Người đã trực tiếp chứng kiến biết bao nỗi khổ nhục, lâm than của các tầng lớp nhân dân lao động cả ở chính quốc và thuộc địa; thấu hiểu bản chất bóc lột dã man, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Người đã phanh phui tội ác của thực dân Pháp trong hơn 80 năm đô hộ nước ta: núp dưới khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái”, với chiêu bài “khai hóa văn minh”, chúng đã trắng trợn chà đạp lên các quyền con người, quyền dân tộc thiêng liêng của Việt Nam, “bóc lột dân ta đến tận xương tủy”, đẩy nòi giống ta vào thảm họa diệt vong. Ngay cả khi nhân dân Việt Nam gan góc, dũng cảm đứng về phe Đồng minh chống lại thảm họa hủy diệt loài người của chủ nghĩa phát-xít Đức - Ý - Nhật, giành lại quyền độc lập dân tộc, thực dân Pháp vẫn dã tâm “bán” nước ta hai lần cho phát-xít Nhật trong vòng 5 năm, làm cho đời sống của đồng bào ta vô cùng cực khổ, nhất là công nhân và nông dân ngày càng bị bóc lột càng sâu sắc, “một cô hai trống”, gây nên thảm cảnh khốc liệt là làm hơn hai triệu người bị chết đói vào cuối năm 1944, đầu năm 1945. Đó là những tội ác “trời không tha, đất không dung” của chủ nghĩa thực dân, phát-xít đối với dân tộc Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã dũng cảm đứng lên làm cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám, “đem sức ta giải phóng cho ta”, giành lại quyền độc lập dân tộc. Khi

thực dân Pháp bị phát-xít Nhật hất cẳng, thất thế và rút chạy, nhân dân Việt Nam nêu cao truyền thống đại nghĩa, mở lòng khoan dung, độ lượng, giang tay cứu giúp cho rất nhiều người dân và binh lính Pháp, cùng tài sản của họ thoát khỏi bàn tay tàn bạo của quân phiệt Nhật.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất trân trọng tình cảm của nhân dân Mỹ đối với Tô-mát Giép-phơ-xơn (Thomas Jefferson), người khởi thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776* của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, sau lên làm Tổng thống Mỹ trong những năm 1801 - 1809. Niềm tự hào, kiêu hãnh của nhân dân Mỹ càng được đề cao khi bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới được mở đầu bằng nội dung tinh túy nhất về quyền con người ghi trong *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776* của nước Mỹ. Điều rất thú vị là, trực tiếp lãnh tụ Hồ Chí Minh đã cho ngài L.A. Pát-ti, đại diện của quân đội Mỹ ở Hà Nội khi đó, được xem trước bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới mà Người sẽ đọc tại cuộc mít-tinh lớn ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khiến cho người đứng đầu Cơ quan Tình báo Mỹ (OSS) này thực sự sửng sốt, “không còn tin ở tai mình nữa”. Trong thiên hồi ức “*Why Vietnam?*” (“Tại sao Việt Nam?”), ngài L.A. Pát-ti đã tự thuật lại sự kiện trên rất sinh động, hấp dẫn và nghiêm túc. Đây là một cơ hội lịch sử quý giá để có thể tạo dựng mối quan hệ thân thiện giữa hai quốc gia Việt Nam - Mỹ, song đã bị chính phủ đương thời ở Mỹ bỏ qua, đúng vào thời điểm nhân dân Việt Nam cùng sát cánh đứng về phía phe Đồng minh để loại trừ hoàn toàn chủ nghĩa phát-xít tàn bạo trên thế giới.

Sau ngày Việt Nam giành được độc lập, mặc dù thực dân Pháp bị suy yếu và ở vào thế bất lợi, nhưng chúng vẫn không từ bỏ âm mưu xâm chiếm nước ta. Lúc này, đế quốc Mỹ cũng đang thừa cơ tìm mọi thủ đoạn để nhảy vào độc chiếm Đông Dương. Trong bối cảnh lịch sử đó, bằng sự nhạy cảm về chính trị và tầm nhìn chiến lược sâu rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã làm hết sức mình để giữ vững và phát triển mối quan hệ thân thiện với nước Pháp và nước Mỹ. Người cũng sớm nhận rõ đối tượng kẻ thù mới, trực tiếp và nguy hiểm của cách mạng Việt Nam và của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Dựa trên nguyên tắc dân tộc, bình đẳng đã được các nước Đồng minh công nhận ở các hội nghị Tê-hê-ran và Cựu Kim Sơn, Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi rõ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*: Nếu các nước Đồng minh đã công nhận quyền dân tộc tự quyết của các nước từng bị phát-xít chiếm đóng, thì “quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. Dân tộc Việt Nam phải được tự do! Dân tộc Việt Nam phải được độc lập!”. Điều đó đã đặt cả chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới vào tư thế của những kẻ can thiệp và xâm lược, nếu chúng âm mưu núp dưới bóng cờ của quân Đồng minh để hòng thôn tính đất nước ta. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* kết thúc hùng tráng bằng tuyên bố trịnh trọng và danh thép, đáp ứng nguyện vọng thiết tha ngàn đời của nhân dân Việt Nam: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”<sup>(2)</sup>.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945* không những thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng và mở rộng mối quan hệ ngoại giao thân thiện, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước, mà còn nổi bật tư tưởng, quan điểm của Người về *tính thống nhất biện chứng, không thể tách rời giữa quyền con người, quyền công dân và quyền dân tộc, giữa giải phóng cá nhân và giải phóng toàn xã hội*. Sau bản *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 10-2-1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua *Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền*, song tiếc rằng văn kiện này chỉ nhấn mạnh đến quyền của cá nhân mà không đề cập đến các điều kiện chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa,... của mỗi dân tộc, trong đó có quyền dân tộc tự quyết. Đến năm 1966, Liên hợp quốc tiếp tục thông qua hai Công ước quốc tế được coi là “Bộ luật nhân quyền quốc tế”, đó là *Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa*. Năm 1993, Liên hợp quốc ra *Tuyên bố Viên và Chương trình hành động*, xác định rõ quyền dân tộc tự quyết là một quyền con người. Điều 1 của hai Công ước quốc tế năm 1966 đều khẳng định: “Tất cả các dân tộc đều có quyền dân tộc tự quyết”. Trong *Tuyên bố Viên và Chương trình hành động* năm 1993 cũng có đoạn nhấn mạnh: “Việc khước từ quyền dân tộc tự quyết là sự vi phạm nhân quyền”. Cần phải viện dẫn lại những văn bản pháp lý về nhân quyền của Liên hợp quốc để thấy rõ giá trị có ý nghĩa thời đại của bản *Tuyên ngôn Độc lập năm*

(2) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t. 4, tr. 4

1945 của Việt Nam - đi trước nhận thức chung của Liên hợp quốc hơn 20 năm; đồng thời, thấy được đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc phát triển, vận dụng sáng tạo tư tưởng quyền con người, quyền dân tộc vào xây dựng những chuẩn mực pháp lý về nhân quyền của nhân loại trong thế kỷ XX.

Sau khi tuyên bố trước toàn thế giới bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới, ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ, đề ra những nhiệm vụ cấp bách: cứu đói, chống dốt, xóa bỏ những thứ thuế bất hợp pháp do thực dân Pháp áp đặt, ban hành những quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, chuẩn bị tổng tuyển cử, thực hiện nam nữ bình đẳng, thực hiện nền giáo dục nhân dân,... Đó là những việc làm rất cụ thể của Chính phủ để thực hiện quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, sự ra đời của bản Hiến pháp năm 1946 - hiến pháp dân chủ đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và việc tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I đã đánh dấu một bước tiến quan trọng về thực hiện dân chủ và quyền con người, quyền công dân trên đất nước Việt Nam độc lập. Tiếp đó, hai cuộc kháng chiến thắng lợi chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân ta, kéo dài 30 năm cũng không ngoài mục đích tiếp tục bảo vệ những giá trị về quyền con người và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam.

Sáu mươi tám năm sau sự kiện ra đời bản *Tuyên ngôn Độc lập* bất hủ, Đảng và Nhà nước ta luôn thấm nhuần sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền dân tộc, tiếp thu tư tưởng

nhân quyền tiến bộ của nhân loại, từ đó xác định những quan điểm chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán cho việc xây dựng chính sách bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam không tách rời với bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Nhờ những nỗ lực to lớn của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, cùng với sự ủng hộ và hợp tác của cộng đồng quốc tế, trong gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, chúng ta đã tận dụng tốt thời cơ và thuận lợi mới, nỗ lực vượt qua nhiều thách thức, khó khăn và đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.

Trên lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về quyền con người, từ năm 1986 đến nay, chúng ta đã ban hành nhiều đạo luật, văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến vấn đề quyền con người, như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Đặc xá, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bảo hiểm xã hội, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo,... Hiện nay, Đảng và Nhà nước đang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chiến lược xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo khung pháp lý và chính sách ngày càng hoàn chỉnh hơn, góp phần tạo bước phát triển mới cho việc bảo đảm thực hiện quyền con người ở Việt Nam. Bên cạnh đó, đến nay Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế về quyền con người của Liên hợp quốc và đã nội luật hóa các công ước quốc tế mà Việt Nam

là thành viên vào hệ thống pháp luật quốc gia. Thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại về quyền con người, tính từ tháng 7-2010 đến nay, Việt Nam đã đón đại diện “Thủ tục đặc biệt” của Liên hợp quốc về các vấn đề “dân tộc thiểu số”, “đói nghèo cùng cực và nhân quyền”, “quyền được chăm sóc y tế”, và tới đây sẽ đón đại diện “Thủ tục đặc biệt” của Liên hợp quốc về các vấn đề “quyền giáo dục”, “quyền có lương thực”, “quyền văn hóa”, như đã cam kết trong các công ước quốc tế về quyền con người của Liên hợp quốc. Trong quan hệ song phương, Việt Nam chú trọng tăng cường cơ chế đối thoại và hợp tác về vấn đề quyền con người hằng năm với nhiều nước, trong đó có Mỹ, EU, Ô-xtrây-li-a, Na Uy, Thụy Sĩ,... Việt Nam cũng đóng góp tích cực, hiệu quả vào việc thành lập và hoạt động của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR); xây dựng Tuyên ngôn Nhân quyền ASEAN được thông qua ở Hội nghị Cấp cao ASEAN tổ chức tại Thủ đô Phnôm-pênh của Cam-pu-chia vào tháng 11-2012.

Thành tựu to lớn và có ý nghĩa nền tảng trong thực hiện quyền con người ở Việt Nam những năm qua biểu hiện sinh động ở việc thực hiện thắng lợi nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong 20 năm (1991 - 2011), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,34%/năm, thuộc loại cao ở khu vực Đông Nam Á; quy mô kinh tế năm 2011 gấp trên 4,4 lần năm 1990, gấp trên 2,1 lần năm 2000. Năm 2012, GDP tăng 5,03% so với năm 2011, mức tăng trưởng tuy thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011, nhưng trong bối cảnh nền

kinh tế thế giới gặp khó khăn thì đây là mức tăng trưởng hợp lý. Kim ngạch xuất khẩu vượt qua mốc 100 tỷ USD; tỷ lệ kim ngạch xuất, nhập khẩu so với GDP năm 2011 đã đạt xấp xỉ 170%, đứng thứ 5 thế giới. Nếu GDP bình quân đầu người năm 1988 chỉ đạt 86 USD, thì đến năm 2011 đạt 1.300 USD; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58,1% năm 1993 xuống còn 11,76% vào năm 2011. Trong lĩnh vực lao động và việc làm, chỉ tính từ năm 2001 đến năm 2008, cả nước đã có 12,44 triệu việc làm mới; hiện nay, hằng năm cả nước đã giải quyết việc làm cho khoảng từ 1,6 đến 1,7 triệu người. Đặc biệt, từ ngày 1-1-2009, lần đầu tiên Nhà nước áp dụng chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Đây là một nỗ lực rất lớn của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam với Liên hợp quốc trong việc bảo đảm quyền của người lao động.

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Việt Nam đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010 và đang triển khai phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi (hoàn thành vào năm 2015). Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Năm 2011, tỷ lệ hộ gia đình có nước sạch đạt 92%; tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế là 63%. Tuổi thọ trung bình của người dân là gần 74 tuổi. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục suốt mấy thập niên qua, hiện nay HDI của Việt Nam xếp thứ 116/182 nước tham gia xếp hạng. Những chỉ số cơ bản trên chứng tỏ sự phát

triển kinh tế - xã hội của nước ta, tất cả là nhằm phục vụ sự phát triển con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Nhằm bảo đảm quyền bình đẳng trong việc hưởng thụ những thành tựu của công cuộc đổi mới, Nhà nước đã có nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội hướng vào nâng cao đời sống của người dân ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Theo báo cáo của Ủy ban Dân tộc, thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 (2006 - 2010), ngân sách trung ương đầu tư lên tới 15.000 tỷ đồng, trong đó các tổ chức quốc tế hỗ trợ 350 triệu USD. Từ nguồn vốn trên, Chương trình đã xây dựng được gần 13.000 công trình hạ tầng thiết yếu về điện, đường, trường, trạm ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện Nghị quyết số 30a của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo trong cả nước, Chính phủ đã có nhiều biện pháp hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ của doanh nghiệp, Quỹ Vì người nghèo của các địa phương,... Vì vậy, đến hết năm 2010, 62 huyện nghèo đã cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm, với 73.418 căn nhà, đạt 94,58% kế hoạch.

Đời sống tâm linh, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là những nhu cầu chính đáng của người dân, được Đảng và Nhà nước tôn trọng và bảo đảm. Các ngày lễ lớn hằng năm của nhiều tôn giáo được tổ chức trọng thể với hàng trăm nghìn tín đồ tham gia. Việc in ấn, xuất bản kinh sách được Nhà nước rất quan tâm, bảo đảm yêu cầu hoạt động của các tôn giáo. Đến nay, hầu hết các tổ chức tôn giáo đều có báo, tạp chí, bản tin. Trong năm 2011, Nhà

nước đã thẩm định và cấp giấy phép xuất bản cho 1.004 đầu sách và ấn phẩm về tôn giáo với hơn 2,5 triệu bản, trong đó có việc in kinh Thánh của Đạo Tin Lành bằng chữ Mông La-tinh và làm thủ tục xuất bản kinh Cô-ran song ngữ Việt Nam - A-rập; kinh sách của Phật giáo cũng sẽ được in bằng tiếng Khmer...

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền dân tộc thiêng liêng trong *Tuyên ngôn Độc lập năm 1945* luôn được Đảng, Nhà nước ta thẩm thấu sâu sắc, vận dụng sáng tạo, tích cực vào thực tiễn đất nước và phù hợp với luật pháp quốc tế về nhân quyền. Mặc dù hiện nay trên thế giới còn có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề quyền con người, quyền dân tộc, thậm chí các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng các vấn đề về dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để vu cáo, xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam, hòng tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam, song những thành tựu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đạt được trong công cuộc đổi mới là bằng chứng không thể phủ nhận cho những nỗ lực của Việt Nam trong lĩnh vực bảo đảm thực thi quyền con người. Tôn trọng và bảo đảm quyền con người là thuộc bản chất của chế độ ta, đồng thời là mục tiêu xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Trong thế giới hiện đại, các quốc gia, dân tộc cần tăng cường đối thoại và hợp tác vì mục tiêu chung là bảo vệ, thúc đẩy quyền con người ngày càng tốt hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình và an ninh quốc tế, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. □